Một số ví dụ về bảng tính chi phí sản xuất phần mềm của một công ty:

Ảnh có chứa bàn

Mô tả được tạo tự động

- Nhân viên kinh doanh: ..........................................................................................................

- Bộ phận: ..............................................................................................................................

- Tên Khách hàng:....................................................................................................................

- Yêu cầu của Hợp đồng: .........................................................................................................

**BẢNG DỰ TÍNH CHI PHÍ CHO HỢP ĐỒNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | *Đơn vị tính: NĐ/ng/th* | |
| **STT** | **Tên chỉ tiêu** | **Định mức** | **Nhân công** | **Chi phí** |
| **I** | **Chi phí sản xuất** |  |  |  |
| 1 | Lương | - Tính theo mức TNBQ trên thị trường của mỗi nhân viên sản xuất tại thời điểm tính chi phí |  |  |
| 2 | KHCB | 280 |  |  |
| 3 | Sửa chữa tài sản | 150 |  |  |
| 4 | Vật liệu dùng cho sản xuất  (Mức thường xuyên) |  |  |  |
| 5 | Nhiên liệu |  |  |  |
| 6 | Điện nước |  |  |  |
| 7 | Dụng cụ sản xuất, DDVP  (Mức thường xuyên) |  |  |  |
| 8 | Bảo hộ lao động |  |  |  |
| 9 | Ăn ca |  |  |  |
| 10 | BHXH, BHYT |  |  |  |
| 11 | KPCĐ |  |  |  |
| 12 | Thuê kênh |  |  |  |
| 13 | Thuê máy |  |  |  |
| 14 | Thuê nhà | 750 |  |  |
| 15 | Vận chuyển | Theo yêu cầu thực tế của Hợp đồng |  |  |
| 16 | Công tác phí | Theo yêu cầu thực tế của Hợp đồng |  |  |
| 17 | Tiếp khách | Theo yêu cầu thực tế của Hợp đồng |  |  |
| 18 | Đào tạo (Cho nhân viên của….) | Theo yêu cầu thực tế của Hợp đồng |  |  |
| 19 | Chi dịch vụ thuê ngoài khác | Theo yêu cầu thực tế |  |  |
| 20 | Vật liệu dùng cho sản xuất  (Đối với những HĐ cần dùng thêm và dùng các vật liệu riêng biệt thì phải tính chi phí thêm). | Theo yêu cầu thực tế |  |  |
| 21 | Dụng cụ sản xuất, DDVP  (Đối với những HĐ cần dùng thêm và dùng các dụng cụ SX riêng biệt thì phải tính chi phí thêm). | Theo yêu cầu thực tế |  |  |
| 22 | Thuê máy  (Đối với những HĐ cần dùng thêm và dùng các máy riêng biệt thì phải tính chi phí thêm ). | Theo yêu cầu thực tế |  |  |
| 23 | Chi khác (nếu có) | Theo yêu cầu thực tế |  |  |
| **II** | **Chi phí quản lý** | **22%** Chi phí sản xuất |  |  |
| **III** | **Chi phí kinh doanh** | Theo cơ chế thu nhập của BPKD |  |  |
| **IV** | **Chi bảo hành, bảo dưỡng sau thực hiện Hợp đồng** | **30%** giá trị trước thuế của Hợp đồng |  |  |
| **Tổng chi phí** | |  |  |  |

ĐỀ XUẤT CỦA NHÂN VIÊN KINH DOANH

1. Giá dự kiến của Hợp đồng là: ...............................................................................................

2. Lãi dự kiến:..........................................................................................................................

3. Đề xuất khác:.......................................................................................................................

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA MARKETING DEPT.

1. Giá dự kiến của Hợp đồng là: ...............................................................................................

2. Lãi dự kiến:..........................................................................................................................

3. Đề xuất khác:.......................................................................................................................

*Ngày tháng năm*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giám đốc duyệt** | **Marketing Dept.** | **Phòng Kỹ thuật** | **Nhân viên kinh doanh** |